

ĐỐI CHIẾU ÂM VỊ PHỤ ÂM CỦA TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT: Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Thị Ngọc Trân

Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
Email: tranntn@huit.edu.vn

Article history

Received: 20/5/2024

Accepted: 16/7/2024

Published: 05/9/2024

Keywords

Language contrast,
consonant phonemes,
pronunciation teaching and
learning, analytic-linguistic
approach

ABSTRACT

Different from absorbing the pronunciation of the mother tongue, practicing the correct pronunciation of word units in another language requires teachers and learners to have an understanding of the phonetic characteristics of both the source language and the target language. This paper aims to reinforce knowledge of pronunciation for teachers and learners of English and Vietnamese as a second or foreign language through a contrastive analysis of the two consonant phoneme systems. The method of comparison and contrast is employed to analyze the similarities and discrepancies in the articulatory features of these consonant phonemes. The findings indicate that, despite having 13 similar pairs of consonants, English consonant phonemes display a greater variety of fricatives and affricates in comparison to Vietnamese, while Vietnamese consonants comprise a set of one implosive and two palatalized sounds which are absent in English. Particular challenges and potential pronunciation mistakes that Vietnamese learners of English may confront are anticipated from these findings. The paper also carries some implications for the teaching and learning of pronunciation, including incorporating the analytic-linguistic approach which provides explicit phonetic instructions on the similarities and differences between consonant phonemes of the target and source languages.

1. Mở đầu

Khác với việc tiếp thu phát âm của tiếng mẹ đẻ, để thực hành phát âm chính xác đơn vị từ của một ngôn ngữ khác đòi hỏi người dạy và người học phải có sự am hiểu về đặc điểm ngữ âm của cả ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích. Chẳng hạn, khi hiểu rõ đặc điểm cấu tạo của âm vị, loại đơn vị âm thanh nhỏ nhất có nghĩa và có khả năng phân biệt từ, người dạy cũng như người học có thể dự đoán, nhận biết và phần nào tránh được những lỗi phát âm gây ra do sự tương đồng hay khác biệt về đặc điểm cấu âm của loại đơn vị âm thanh này.

Thực tiễn nghiên cứu cho thấy lỗi phát âm tiếng Anh thường gặp của người học Việt Nam liên quan đến cách phát âm của âm vị, chẳng hạn như phát âm không có sự khác biệt giữa âm vị nguyên âm dài và ngắn, không phát âm các âm vị phụ âm ở cuối âm tiết và đặc biệt là trở ngại khi phát âm chuỗi âm vị phụ âm (Nguyen & Tran, 2023; Tran & Nguyen, 2022). Các lỗi phát âm này góp phần dẫn đến sự cản trở giao tiếp hơn là từ vựng hay ngữ pháp đối với người học đã đạt được trình độ thành thạo tiếng Anh nhất định (Hinofitis & Bailey, 1980) bởi trong tiếng Anh có khá nhiều từ có phát âm tương đồng mà sự phân biệt nét nghĩa của chúng chỉ dựa vào phát âm của một đơn vị âm vị. Nghiên cứu cũng cho thấy lỗi phát âm tiếng Anh của người học Việt Nam chịu ảnh hưởng bởi sự tác động của ngữ âm tiếng Việt (Ngo, 2009; Riaño, 2021).

Cùng với những thách thức gây ra từ sự khác biệt về đặc điểm ngữ âm của hai hệ thống ngôn ngữ, việc GV thiếu sự đào tạo chuyên sâu về giảng dạy ngữ âm cũng là vấn đề đáng được quan tâm. Điển hình như trong một nghiên cứu về thực trạng việc dạy và học ngữ âm tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ năm nhất tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Chu Thị Kim Ngân và cộng sự (2023) nhận thấy đa phần GV chỉ từng tham gia một khóa học về ngữ âm trong chương trình học cử nhân và thạc sĩ chứ chưa có sự đào tạo chuyên sâu về giảng dạy ngữ âm. Đồng thời, việc giảng dạy ngữ âm ở môi trường này thường phổ biến ở dạng phản hồi sửa lỗi.

Xuất phát từ các vấn đề trên, tác giả bài báo tập trung vào so sánh, đối chiếu hệ thống âm vị phụ âm trong tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tìm ra các điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng để từ đó người dạy và người học có cái nhìn tổng quát hơn về bản chất các vấn đề phát âm thường gặp do cách phát âm phụ âm, từ đó có cách dạy và học ngữ âm phù hợp. Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu tư liệu ngôn ngữ, lấy so sánh đối chiếu làm thủ pháp

phân tích dữ liệu. Cụ thể bài báo chỉ giới hạn phân tích yếu tố ngữ âm đoạn tính, tức đặc điểm ngữ âm của các đơn vị âm tạo nên âm thanh lời nói, do đó các yếu tố thuộc về ngữ âm siêu đoạn tính như ngữ điệu, trọng âm sẽ không được xem xét. Đồng thời, cần chú ý rằng dữ liệu ngôn ngữ Anh sử dụng cho mục đích đối chiếu trong phạm vi bài báo này là ngôn ngữ Anh - Anh. Vì vậy, các biến thể âm vị trong các phiên bản tiếng Anh khác như tiếng Anh - Mỹ, tiếng Anh - Úc,... sẽ không được bàn tới.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Hệ thống âm vị phụ âm tiếng Anh

Trong tiếng Anh có tất cả 24 âm vị phụ âm. Các phụ âm này được khu biệt và phân loại dựa trên ba tiêu chí là vị trí cấu âm, phương thức cấu âm, và sự có - không có tiếng thanh khi phát âm, hay thường gọi là hữu thanh và vô thanh. Hệ thống âm vị phụ âm tiếng Anh được Roach (2009, tr 52) mô tả chi tiết trong bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Bảng hệ thống âm vị phụ âm tiếng Anh

Phương thức cấu âm	Vị trí cấu âm							
	Môi-môi (Bilabial)	Môi-răng (Labial-dental)	Răng (Dental)	Lợi (Alveolar)	Ngạc-lợi (Alveo-palatal)	Ngạc (Palatal)	Mạc (Velar)	Hầu (Glottal)
Tắc (Plosive)	p b			t d			k g	
Xát (Fricative)		f v	θ ð	s z	ʃ ʒ			h
Tắc xát (Affricate)					tʃ dʒ			
Mũi (Nasal)	m			n			ŋ	
Bên (Lateral)				l				
Gần (Approximant)	w			r		j		

2.2. Hệ thống âm vị phụ âm tiếng Việt

Tiếng Việt có tất cả 22 âm vị phụ âm đảm nhiệm vị trí âm đầu và 6 phụ âm làm nhiệm vụ âm cuối. Một số tác giả cho rằng âm vị phụ âm /p/* cũng đóng vai trò là phụ âm đầu (Hoàng Thị Châu, 2009; Nguyễn Văn Phúc, 2006) do việc sử dụng ngày càng phổ biến các từ vay mượn của tiếng nước ngoài, chẳng hạn như “đèn pin”, “nhạc pop”. Đối lập với quan điểm này là quan điểm cho rằng phụ âm đầu /p/ trong những từ trên đã chuyển thành âm hữu thanh /b/, tức là “đèn bin”, “nhạc bop”. Chính vì vậy, việc coi phụ âm /p/ như phụ âm đầu vẫn là vấn đề còn nhiều tranh cãi. Tương tự như tiếng Anh, phần lớn âm vị phụ âm tiếng Việt (trừ âm vị /ʔ/ không được ghi lại trên chữ viết) được thể hiện bằng một chữ viết chính tả, như trong bảng 2 dưới đây:

Bảng 2. Sự thể hiện của âm vị phụ âm tiếng Việt bằng chữ viết (Nguồn: Mai Ngọc Chừ và cộng sự, 2014, tr 95)

Âm vị	Chữ viết	Âm vị	Chữ viết
/b/	b	/t/	tr
/m/	m	/ʃ/	s
/f/	ph	/z/	r
/v/	v	/c/	ch
/tʃ/	th	/ɲ/	nh
/t/	t	/k/	c, k, q
/d/	đ	/ŋ/	ng, ngh
/n/	n	/x/	kh
/s/	x	/ɣ/	g, gh
/z/	d, gi	/ʔ/	(không có chữ viết)
/l/	l	/h/	h

Hệ thống âm vị phụ âm trình bày trong bảng 2 là hệ thống các âm vị chuẩn của hai phương ngữ phổ biến trong tiếng Việt là phương ngữ Bắc Bộ và phương ngữ Nam Bộ. Các biến thể âm vị phụ âm của các phương ngữ không điển hình sẽ không được xem xét trong phạm vi của bài báo này.

Âm vị phụ âm tiếng Việt, tương tự như tiếng Anh, cũng được phân biệt dựa trên ba tiêu chí, đó là phương thức cấu âm, vị trí cấu âm và tiếng thanh. Ngoài ra, tiếng Việt còn phân loại phụ âm theo tiêu chí tiếng ồn hay tiếng vang mà chúng gây ra. Bảng 3 và 4 sau đây sẽ lần lượt thể hiện chi tiết đặc trưng khu biệt ngữ âm của phụ âm đầu và phụ âm cuối tiếng Việt.

Bảng 3. Âm vị phụ âm đầu tiếng Việt (Nguồn: Mai Ngọc Chừ và cộng sự, 2014, tr 95)

Phương thức cấu âm				Vị trí cấu âm					
				Môi	Đầu lưỡi		Mặt lưỡi	Gốc lưỡi	Thanh hầu
					Bệt	Quặt			
TẮC	òn	bật hơi		t'					
		không bật hơi	vô thanh	p*	t	t	c	k	?
		hữu thanh	b	d					
	vang (mũi)			m	n		ɲ	ŋ	
XÁT	òn	vô thanh	f	s	ʃ		x	h	
		hữu thanh	v	z	ʒ		ɣ		
	vang (bên)				l				

Bảng 4. Âm vị phụ âm cuối tiếng Việt (Nguồn: Mai Ngọc Chừ, 2014, tr 103)

Phương thức cấu âm			Vị trí cấu âm			
			Môi	Lưỡi		
				Đầu lưỡi	Gốc lưỡi	
Ồn			p	t	k	
Vang		Mũi	m	n	ŋ	

2.3. Dạy và học ngữ âm tiếng Anh bằng phương pháp phân tích ngôn ngữ học

Theo Celce-Murcia và cộng sự (2010, tr 2), khác với cách dạy và học phát âm truyền thống theo phương pháp bắt chước theo trực giác (intuitive-imitative approaches) trong đó người học chỉ dựa vào việc nghe và bắt chước theo cách phát âm mẫu, dạy và học phát âm theo phương pháp phân tích ngôn ngữ học (analytic-linguistic approaches) cung cấp cho người học “sự giảng giải một cách tường minh về âm thanh, ngữ điệu của ngôn ngữ đích thông qua việc sử dụng bảng chữ cái phiên âm, hình ảnh của các cơ quan cấu âm, mô tả cách tạo âm, các thông tin đối chiếu so sánh và các công cụ, phương tiện khác để hỗ trợ cho việc nghe nhận diện âm, bắt chước và tạo âm”. Theo các tác giả, phương pháp phân tích ngôn ngữ học ra đời đem đến cách dạy và học ngữ âm toàn diện và bao quát hơn bởi nó không loại trừ mà ngược lại bao hàm trong đó cả phương pháp bắt chước theo trực giác được khuyến khích sử dụng ở bước thực hành.

Tương tự, nghiên cứu của Nu (2015) cũng cho thấy năng lực nhận thức về các âm dễ mắc lỗi và khả năng phát âm tiếng Anh của đối tượng người đi làm được cải thiện khi GV sử dụng phương pháp phân tích đối chiếu trong giảng dạy ngữ âm thông qua đối chiếu các cặp âm tương đồng của tiếng Anh và các cặp âm tương đồng giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

2.4. Đối chiếu âm vị phụ âm Anh - Việt: Ý nghĩa đối với việc dạy và học ngoại ngữ

Trong bảng 5 dưới đây, các phụ âm tương đồng hoặc gần tương đồng về vị trí cấu âm của hai hệ thống âm vị Anh - Việt được đặt cạnh nhau theo cặp để so sánh đối chiếu. Cần nhấn mạnh rằng trong toàn bài báo này các cặp âm được trình bày theo trật tự phụ âm tiếng Anh đứng trước, phụ âm tiếng Việt đứng sau. Dấu gạch nối đặt trước và sau mỗi phụ âm để thể hiện khả năng xuất hiện của phụ âm đó ở vị trí âm đầu và âm cuối của âm tiết.

Bảng 5. Âm vị phụ âm tương đồng hoặc gần tương đồng của tiếng Anh và tiếng Việt

Môi	Anh	-p-	-b-	-f-	-v-	-m-	-w-		
	Việt	-p	b-	f-	v-	-m-			
Răng & Lợi	Anh	-θ-	-ð-	-t-	-d-	-s-	-z-	-n-	-l-
	Việt	t'-	-t-	d-	s-	z-*	-n-	l-	
Ngạc	Anh	-ʃ-	-ʒ-	-tʃ-	-dʒ-	-r-	-j-		
	Việt	ʃ-	ʒ-*			ʒ-*** z-***			
		(* phương ngữ Bắc Bộ) (**phương ngữ Nam Bộ)							
Mạc	Anh	-k-	-g-	-ŋ					
	Việt	x-	ɣ-	-ŋ-					
Hầu	Anh	-h-							
	Việt	h-							

2.4.1. Sự tương đồng

Từ các bảng 1, 3 và 5 có thể thấy hệ thống âm vị phụ âm của tiếng Anh và tiếng Việt về cơ bản giống nhau ở một số điểm như sau.

Thứ nhất, số lượng âm vị phụ âm của hai ngôn ngữ xấp xỉ bằng nhau nếu không phân biệt phụ âm đầu - cuối, với 24 phụ âm trong tiếng Anh và 22 phụ âm trong tiếng Việt.

Thứ hai, cả hai hệ thống âm vị có chung cách thức để phân biệt và phân loại phụ âm, đó là dựa trên ba tiêu chí: phương thức cấu âm, vị trí cấu âm và tiếng thanh. Về vị trí cấu âm, tiếng Anh và tiếng Việt đều có các phụ âm môi, răng, lợi, ngạc, mạc và thanh hầu khá giống nhau. Về phương thức cấu âm, hai ngôn ngữ có sự tương đồng ở các phụ âm tắc, xát, mũi và thanh hầu. Về tiếng thanh, phụ âm của cả hai ngôn ngữ đều được phân loại thành vô thanh và hữu thanh. Cụ thể, trong bảng 5 ta thấy có 13 cặp phụ âm tương ứng của tiếng Anh và tiếng Việt hầu như có sự tương đồng tuyệt đối về đặc điểm cấu âm, đó là /b-b/, /d-d/, /f-f/, /v-v/, /s-s/, /z-z*/, /ʃ-ʃ/, /m-m/, /n-n/, /ŋ-ŋ/, /l-l/, /r-z*/, /j-z*/. Đây rõ ràng là một điểm thuận lợi cho người thực hành nói hai ngôn ngữ Anh-Việt khi phát âm các từ có chứa các phụ âm trên. Tuy nhiên cần chú ý các trường hợp cặp phụ âm tương đồng sau đây. Thứ nhất là cặp âm /z-z*/, người học cần chú ý rằng phụ âm /z/ của tiếng Anh chỉ tương đồng với phụ âm /z*/ của phương ngữ Bắc bộ bởi phụ âm /z*/ trong phương ngữ Nam Bộ được phát âm ngạc hóa. Trong thực tiễn giảng dạy, tác giả chứng kiến hiện tượng sinh viên người miền Nam phát âm âm vị /z/ tiếng Anh thành một âm ngạc hóa khác của tiếng Anh là âm vị /j/. Chẳng hạn, từ “zoom” /zu:m/ có thể bị phát âm thành /ju:m/.

Tình huống trên dẫn đến việc xem xét cặp âm /j-z*/. Như đã nói ở trên, cặp phụ âm tương đồng Anh-Việt này được ghi nhận ở phương ngữ Nam Bộ bởi người Nam Bộ có xu hướng phát âm phụ âm /z*/ của tiếng Việt thành âm /j/. Tuy nhiên lại không có hiện tượng tương đồng này trong phương ngữ Bắc bộ bởi phương ngữ này không có âm tương ứng với âm /j/. Do vậy, người nói phương ngữ Bắc bộ có khả năng phát âm phụ âm /j/ của tiếng Anh thành âm /z/, ví dụ từ “you” có thể được phát âm thành /zu:/ hoặc /ju:/ thay vì /ju:/.

Một điểm tương đồng nữa giữa hai ngôn ngữ là phần lớn âm vị phụ âm có cùng hình thức với chữ viết đại diện cho chúng và mỗi phụ âm thường được thể hiện bởi một chữ cái. Điều này giúp cho người học phần nào phán đoán được cách phát âm của các từ vựng mới trong ngôn ngữ đích. Tuy nhiên, ở cả hai ngôn ngữ đều có trường hợp ngoại lệ là một phụ âm được thể hiện bởi nhiều chữ viết. Ví dụ như phụ âm /s/ trong tiếng Anh có thể được thể hiện bởi các chữ cái hoặc tổ hợp chữ cái như sau “s, x, se, ce, ss”. Hoặc ngược lại một chữ viết có thể đại diện cho 2 hoặc 3 âm vị khác nhau, chẳng hạn tổ hợp chữ cái “ch” trong tiếng Anh có thể được phát âm thành ba phụ âm hoàn toàn khác nhau là âm /k/, /ʃ/ và /tʃ/. Ví dụ trong từ “chaos” /ˈkeɪs/ tổ hợp chữ cái “ch” được phát âm thành /k/, trong từ “chantey” /ˈʃænti/ tổ hợp này được phát âm thành /ʃ/, trong từ “chanting” /ˈtʃɑːntɪŋ/ thì lại được phát âm là /tʃ/. Sự lỏng lẻo này trong mối ràng buộc giữa chữ viết và âm đọc của tiếng Anh có thể khiến cho người học đưa ra phán đoán không chính xác về cách phát âm của các từ vựng mới hoặc ít phổ biến.

Ngoài ra còn có sự tương đồng về cách thức phát âm của một phụ âm tiếng Việt với hai phụ âm của tiếng Anh. Đó là trường hợp phụ âm /z/, một phụ âm có cách phát âm khá khác biệt trong hai phương ngữ tiêu biểu của tiếng Việt. Với phương ngữ Bắc Bộ, phụ âm này được phát âm gần giống phụ âm ngạc-lợi, xát /z/ của tiếng Anh. Tuy nhiên, trong phương ngữ Nam Bộ phụ âm này lại phát âm giống phụ âm ngạc-lợi, gần /r/ trong tiếng Anh. Vì vậy việc phát âm phụ âm /r/ của tiếng Anh có thể khá dễ dàng với người nói phương ngữ Nam Bộ nhưng lại đòi hỏi sự chú ý và luyện tập nhiều hơn ở người nói phương ngữ Bắc Bộ.

2.4.2. Sự khác biệt

Xét về sự khác biệt giữa hai hệ thống âm vị phụ âm của tiếng Anh và tiếng Việt, ta thấy có những đặc điểm sau đây:

Điểm khác biệt đầu tiên có thể dễ dàng nhận thấy là ở mỗi ngôn ngữ có những phụ âm không tồn tại trong ngôn ngữ kia. Cụ thể, tiếng Anh có một số phụ âm mà chúng ta không thể tìm thấy âm tương đồng hoàn toàn ở tiếng Việt, ví dụ như hai phụ âm ngạc lợi, tắc xát /tʃ, dʒ/; phụ âm ngạc lợi, xát /z/ và phụ âm đầu lưỡi-răng, xát, hữu thanh /ð/. Thực tiễn nghiên cứu cho thấy người học thường gặp khó khăn khi phát âm các phụ âm này (Nu, 2015; Tran, 2021).

Ngược lại, tiếng Việt cũng có một số phụ âm không có âm hoàn toàn tương đồng trong tiếng Anh. Điển hình như phụ âm /t/ đứng đầu âm tiết của các từ bắt đầu bằng chữ cái “tr”, là phụ âm được tạo ra khi đầu lưỡi uốn lên cao và hướng về sau vòm miệng giống như âm cong lưỡi hoặc là hai phụ âm mặt lưỡi, ngạc /c, ɲ/.

Điểm khác biệt thứ hai đáng chú ý là, mặc dù hai ngôn ngữ Anh - Việt có nhiều âm vị phụ âm tương đồng, một vài cặp âm trong số chúng không hoàn toàn giống nhau về đặc điểm cấu âm, cụ thể như là các cặp âm /t-t/, /θ-t/. Điển hình là phụ âm tắc /t/ của tiếng Anh là một âm tắc lợi, bật hơi trong khi phụ âm /t/ tương ứng của tiếng Việt lại là âm răng, không bật hơi. Dù nhận biết được sự khác biệt đó, người học vẫn có thể bị ảnh hưởng bởi thói quen phát âm của tiếng Việt. Ví dụ như phát âm từ “tea” của tiếng Anh theo kiểu không bật hơi, nghe giống như từ “ti” của tiếng Việt. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng phụ âm /t/ của tiếng Anh thường được phát âm có sự bật hơi khi nó là âm

đầu hoặc âm cuối của âm tiết. Khi /t/ đứng trong cụm phụ âm đầu thì lại không được bật hơi do bị ảnh hưởng của âm xát /s/ phía trước nó, ví dụ như trong từ “style”.

Tương tự như vậy, phụ âm tiếng Anh /k/ cũng có thể được người Việt phát âm không có bật hơi do sự ảnh hưởng của phụ âm /k/ không bật hơi của tiếng Việt. Chẳng hạn một số người học phát âm từ “key” của tiếng Anh nghe giống như từ “ki” của tiếng Việt.

Phụ âm đầu lưỡi-răng, xát, vô thanh /θ/ cũng gây không ít nhầm lẫn cho người học bởi tiếng Việt cũng có phụ âm đầu lưỡi, bẹt, nổ, vô thanh /tʰ/ khá tương đồng. Do sự tương đồng này, người học có khả năng phát âm phụ âm /θ/ của tiếng Anh theo cách phát âm phụ âm /tʰ/ của tiếng Việt. Ví dụ như từ “thought” của tiếng Anh được một số người Việt phát âm với đầu lưỡi không đưa ra giữa hai hàm răng mà đặt giữa ngạc cứng-chân răng nên nghe như từ “thót” của tiếng Việt.

Đối chiếu sự phân bố vị trí âm vị trong âm tiết, ta nhận thấy thêm một điểm khác biệt nữa giữa hai hệ thống phụ âm. Là một ngôn ngữ biến hình, đa âm tiết, các âm vị phụ âm tiếng Anh có thể xuất hiện tự do ở mọi vị trí đầu, giữa, cuối của âm tiết, ngoại trừ trường hợp phụ âm /ŋ/ chưa bao giờ và phụ âm /z/ hiếm khi được thấy xuất hiện ở vị trí đầu. Khác với tiếng Anh, tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết, do đó không có phụ âm đứng giữa trong cấu trúc âm tiết. Trong tiếng Việt, tất cả âm vị phụ âm có thể xuất hiện ở đầu âm tiết, ngoại trừ âm vị /pʰ/ đang còn gây tranh cãi, trong khi chỉ có 6 phụ âm /m, n, ɲ, p, t, k/ có thể đứng cuối âm tiết.

Xét đến các phụ âm cuối của tiếng Việt, tất cả đều là âm đóng, vô thanh nên dễ hiểu là người Việt không có thói quen phát âm phụ âm cuối hay phân biệt âm cuối vô thanh và hữu thanh của tiếng Anh. Ví dụ như người học thường khó phân biệt hai phụ âm cuối /d -t/ trong cặp từ “bed - bet”. Các nghiên cứu thực nghiệm cũng đã cho thấy người học ở trình độ thấp có thể bỏ qua phát âm các phụ âm cuối /t, d, k, g/ (Phùng Thanh Loan, 2021) hoặc không phát âm được các âm cuối khó như /dz/ (Ha, 2005). Thêm vào đó, vì tiếng Việt không có phụ âm xát đứng cuối âm tiết nên người học có thể phát âm từ “leave” /li:v/ thành /li:/. Cũng chính sự khác biệt này gây ra khó khăn trong việc phát âm hậu tố “-s” theo cách thức phụ âm xát /s/ hoặc /z/ ở danh từ số nhiều hoặc động từ số ít của tiếng Anh.

Điểm làm cho hai hệ thống âm vị thêm phần khác biệt là tiếng Anh có các tổ hợp phụ âm ở vị trí đầu và cuối âm tiết trong khi tiếng Việt hầu như không có hiện tượng này. Do vậy, người Việt khá xa lạ với cách phát âm liên tiếp chuỗi phụ âm của tiếng Anh. Họ có xu hướng bỏ đi một hay hai phụ âm trong các chuỗi phụ âm là điều dễ hiểu. Ví dụ như với từ “next”, người học có thể mắc lỗi không phát âm phụ âm cuối /t/ hay phụ âm liền kề trước /s/.

2.4.3. Ý nghĩa cho việc dạy và học tiếng

Bài báo này kỳ vọng đóng góp vào sự điều chỉnh phương pháp dạy và học phát âm tiếng Anh cho đối tượng người học Việt Nam bởi theo nhiều nghiên cứu (như của Nguyen, 2019; Chu Thị Kim Ngân và cộng sự, 2023), phương pháp dạy và học phát âm hiện nay chủ yếu dựa trên việc người học được sửa lỗi phát âm thông qua việc lặp lại hoặc đọc theo lời nhắc của GV. Theo Celce-Murcia và cộng sự (2010), phương pháp phân tích ngôn ngữ học xuất hiện đầu thế kỉ XX là một bước cải tiến trong cách dạy và học ngữ âm, có thể được sử dụng để bổ sung cho phương pháp bắt chước theo trực giác. Các nghiên cứu khác (Derwing, 2018; Nu, 2015; Nguyen, 2019; Vu, 2016) cũng cho thấy việc dạy phát âm tiếng Anh một cách chuyên biệt, có chủ đích cùng với sự giải thích, phân tích đối chiếu đặc điểm ngữ âm của hai ngôn ngữ nguồn và đích có thể cải thiện phát âm của người học.

Với hiểu biết về sự tương đồng và khác biệt giữa hai hệ thống phụ âm Anh - Việt, người dạy và người học có thể thực hành phương pháp phân tích ngôn ngữ học trong việc dạy và học ngữ âm. Cụ thể, GV có thể dùng các hình ảnh, cơ quan cấu âm, các đặc điểm về vị trí cấu âm, phương thức cấu âm hay tiếng thanh để mô tả cách tạo âm của phụ âm tiếng Anh (Celce-Murcia et al., 2010) sau đó đối chiếu chúng với phụ âm tiếng Việt (Nu, 2015). Đồng thời người học cũng cần tìm hiểu về những lỗi phát âm thường mắc phải do các phụ âm xa lạ với tiếng Việt do sự chuyển di thói quen phát âm một số phụ âm có phản tương đồng giữa tiếng Việt và tiếng Anh. Sau bước phân tích đối chiếu đặc điểm cấu âm, các bài tập thực hành như nghe-nhận diện các cặp phụ âm gần tương đồng, nghe-bắt chước cách phát âm của các phụ âm xa lạ với tiếng Việt có thể được sử dụng để củng cố nhận thức và phát triển khả năng phát âm của người học. Như vậy, các hoạt động nâng cao sự tri nhận và thực hành ngữ âm đều cần được chú trọng trong việc dạy và học ngữ âm như nghiên cứu đã chỉ ra (Phùng Thanh Loan, 2021; Nguyen, 2019).

3. Kết luận

Mặc dù tiếng Anh và tiếng Việt có 13 cặp âm vị phụ âm có đặc điểm cấu âm tương đồng, một số sự tương đồng có thể gây chuyển di nhầm lẫn. Đặc biệt, tiếng Anh có nhiều phụ âm xát hơn tiếng Việt, trong đó có một số phụ âm xát và tất xát không xuất hiện trong tiếng Việt, cụ thể là các âm /ð, ʒ/ và /tʃ, dz/. Ngược lại tiếng Việt có 3 phụ âm tắc không nổ là /t, c, ɲ/ không có âm tương đồng ở tiếng Anh. Xét về vị trí, âm vị phụ âm của tiếng Anh có thể xuất hiện linh hoạt ở đầu, giữa, và cuối âm tiết trong khi đó phụ âm tiếng Việt chỉ có thể đứng đầu và cuối âm tiết. Đáng chú

ý nữa là các phụ âm cuối trong tiếng Việt là âm đóng, ít được phát âm nên có thể gây ra sự khó khăn cho người Việt khi phát âm phụ âm cuối của tiếng Anh. Ngoài ra, các tổ hợp hai hoặc ba phụ âm đứng đầu hoặc cuối âm tiết trong tiếng Anh cũng là một hiện tượng phát âm xa lạ với người Việt.

Theo như Bumpass (1963, tr 13), khi nghe một thứ tiếng khác tiếng mẹ đẻ chúng ta hầu như rất khó nhận diện được những âm vị xa lạ. Một điều không thể tránh khỏi nữa là người học có xu hướng đưa thói quen phát âm âm vị của tiếng mẹ đẻ vào việc phát âm ngôn ngữ đích. Sự chuyển di này có thể gây cản trở cho việc phát âm chuẩn xác ngôn ngữ đích. Do vậy, GV cần phân tích cho người học những âm vị phụ âm đặc biệt, đồng thời chỉ rõ những lỗi giao thoa về phát âm có thể gây ra do sự ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ.

Tài liệu tham khảo

- Bumpass, F. L. (1963). *Teaching young students English as a foreign language*. New York: The American Book Company.
- Celce-Murcia, M., Brinton, D. M., Goodwin, J. M., & Griner, B. (2010). *Teaching Pronunciation: A Course book and Reference guide*. Cambridge University Press.
- Chu Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Thu Trang, Lê Anh Thơ (2023). Thực trạng và giải pháp đối với việc giảng dạy môn ngữ âm cho sinh viên hệ chất lượng cao năm thứ nhất tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân. *Tạp chí Công thương*. <https://tapchicongthuong.vn/thuc-trang-va-giai-phap-doi-voi-viec-giang-day-mon-ngu-am-cho-sinh-vien-he-chat-luong-cao-nam-thu-nhat-tai-truong-dai-hoc-kinh-te-quoc-dan-102529.htm>
- Derwing, T. M. (2008). Curriculum issues in teaching pronunciation to second language learners. In G. H. J. Edwards & L. M. Zampini (Eds.), *Phonology and second language acquisition*, 36, 347-369. Amsterdam: John Benjamins Publishing Company.
- Ha, C. T. (2005). Common pronunciation problems of Vietnamese learners of English. *VNU Journal of Foreign Studies*, 21(1), 35-46.
- Hinofotis, F & Baily, K. (1980). American Undergraduate Reaction to the Communication Skills of Foreign Teaching Assistants. *TESOL "80: Building bridges: Research and practice in TESL"*, Alexandria, V.A.
- Hoàng Thị Châu (2009). *Phương ngữ học tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lê Thị Thu Thủy, Trịnh Thị Thủy (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng phát âm của sinh viên năm thứ nhất không chuyên tiếng Anh Trường Đại học Lao động - Xã hội. *Tạp chí Giáo dục*, 23(18), 52-58.
- Mai Ngọc Chừ (chủ biên), Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (2014). *Cơ sở Ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Ngo, P. A. (2009). L1 influence on Vietnamese accented English. *Kajian Linguistik dan Sastra*, 21(2), 93-104. <http://dx.doi.org/10.23917/kls.v21i2.4378>
- Nguyễn Văn Phúc (2006). *Ngữ âm tiếng Việt thực hành*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyen, B. D., & Tran, T. A. (2023). An Investigation into Errors in Pronouncing Some English Final Consonant Sounds Made By Third-Graders at Tran Cao Van Primary School, Da Nang City. *International Journal of Arts Humanities and Social Sciences Studies*, 8(11), 78-91.
- Nguyen, T. L. (2019). *Enhancing Pronunciation Teaching in the Tertiary EFL Classroom: A Vietnamese Case Study*. Doctoral thesis, Victoria University of Wellington.
- Nu, D. T. (2015). *Application of Contrastive Analysis in teaching English pronunciation to Vietnamese adults*. EPIP4 4th International Conference on English Pronunciation: Issues & Practices, Prague, Czech Republic, 30-33.
- Phùng Thanh Loan (2021). Đối chiếu nhóm phụ âm tắc, vô thanh tiếng Anh trong cách phát âm của người Việt và người Mỹ. *Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa*, 5(2), 162-176.
- Riaño, J. C. P. (2021). Phonetic and Phonological Transfer from Northern Vietnamese to English in Consonant Clusters and Voiceless Final Obstruents. *Epos Revista de filología*, 37, 185-209.
- Roach, P. (2009). *English Phonetics and Phonology - A Practical Course (4th ed)*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Tran, K. M. A. (2021). An Investigation into Common Pronunciation Errors made by Young Learners. *Journal of Science and Technology*, 52(04), 78-88.
- Tran, T. K. L., & Nguyen, A. T. (2022). Common mistakes in pronouncing English consonant clusters: A case study of Vietnamese learners. *Can Tho University Journal of Science*, 14(3), 32-39. <http://dx.doi.org/10.22144/ctu.jen.2022.040>
- Vu, H. Y. (2016). *Exploring English pronunciation in Vietnam: Time for a new approach*. Master thesis, Macquarie University.